

# Coupe du Monde

Hangzhou 2026-02-13 J E F

Pool 1											Piste: Blue Time: 13.02.2026			
Referees: JUNG Jin Man (KOR); LAM Chi Ming Andy (HKG)														
#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	7	V/M	TS	TR	Ind	
1	YU Lili	CHN		V3	3	V4	V5	V4	V3	0.83	22	16	+6	
2	ZHANG Hongjia	CHN	2		3	2	V5	V5	2	0.33	19	24	-5	
3	WEI XIAORAN	CHN	V4	V5		4	V5	4	V3	0.67	25	22	+3	
4	HUNG Li-Hsiang	TPE	3	V3	V5		V5	V5	V3	0.83	24	18	+6	
5	WANG Cheelyn	AUS	2	4	4	4		2	1	0	17	30	-13	
6	KASAHARA Satoki	JPN	3	4	V5	2	V5		V4	0.5	23	23	0	
7	CHAN Chit Ying	HKG	2	V5	2	2	V5	3		0.33	19	16	+3	

Pool 2											Piste: Yellow Time: 13.02.2026			
Referees: HERZHOFF Julius (NZL); LI Fei (CHN)														
#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	7	V/M	TS	TR	Ind	
1	ZHENG Qing	CHN		V2	1	1	2	2	V5	0.33	13	23	-10	
2	ZHU Shiyin	CHN	1		V5	V5	2	0	V5	0.5	18	22	-4	
3	TIAN Pengpeng	CHN	V5	4		V5	V5	3	V5	0.67	27	18	+9	
4	SHOONG Tak Sum	HKG	V5	4	2		V5	V1	3	0.5	20	19	+1	
5	HANEISHI Yuni	JPN	V5	V5	2	3		V5	V5	0.67	25	16	+9	
6	LIN Ariel	TPE	V3	V4	V5	0	2		V5	0.67	19	11	+8	
7	LOK Huien	SGP	4	3	3	V5	0	0		0.17	15	28	-13	

## Pool 3

Piste: Green Time: 13.02.2026

Referees: HO Peng I (MAC); CAO DANXUAN (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	7	V/M	TS	TR	Ind
1	WANG Nanxin	CHN		3	V5	2	V5	3	V5	0.5	23	22	+1
2	JIANG Huishuang	CHN	V5		V5	V5	V5	V5	V5	1	30	10	+20
3	BIAN JINYAN	CHN	3	0		V5	V5	V5	4	0.5	22	26	-4
4	KOGA Mayu	JPN	V5	3	4		V5	V5	V5	0.67	27	19	+8
5	PANG Tsz Yin	HKG	1	1	4	2		V5	V5	0.33	18	28	-10
6	LI Zhenni	CAN	V5	2	3	3	4		3	0.17	20	27	-7
7	YANG Chelsea	AUS	3	1	V5	2	4	V4		0.33	19	27	-8

## Pool 4

Piste: Red Time: 13.02.2026

Referees: YOSHIDA Manami (JPN); MA Quan (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	SHI Chenlan	CHN		V5	3	V5	V5	1	0.6	19	14	+5
2	SUN Juan	CHN	3		V3	V5	3	3	0.4	17	17	0
3	ZHAO Jiahui	CHN	V5	2		V4	V5	V4	0.8	20	12	+8
4	LIN Qian-Yun	TPE	3	0	3		2	3	0	11	24	-13
5	WANG Angelina	AUS	1	V5	1	V5		3	0.4	15	20	-5
6	LEE Man Wai Vivienne	HKG	V2	V5	2	V5	V5		0.8	19	14	+5

## Pool 5

Piste: 5 Time: 13.02.2026

Referees: CHOW Hoi Yan (HKG); XIN Xin (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	LIU TIANXI	CHN		1	1	1	V5	V5	0.4	13	17	-4
2	ZHAO Jiayu	CHN	V5		V5	V5	V5	V5	1	25	10	+15
3	ZHU LIAOQI	CHN	V2	1		2	3	V5	0.4	13	17	-4
4	LIU Lulu	AUS	V5	3	V3		4	V5	0.6	20	17	+3
5	TANG Ying Suet	HKG	3	3	V4	V5		V1	0.6	16	17	-1
6	HUNG Shih-Yu	TPE	2	2	4	4	0		0	12	21	-9

## Pool 6

Piste: Blue Time: 13.02.2026

Referees: YOSHIDA Manami (JPN); LAM Chi Ming Andy (HKG)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	LEI Xinrui	CHN		1	4	3	V5	V5	0.4	18	16	+2
2	ZHANG Anxin	CHN	V3		V5	V5	V2	V5	1	20	8	+12
3	WANG XINYU	CHN	V5	3		2	V5	V5	0.6	20	16	+4
4	NG Yuen Lam	HKG	V4	3	V5		2	V4	0.6	18	15	+3
5	LI Mathea Mo Tin	HKG	3	0	2	V3		V5	0.4	13	16	-3
6	WEI Hayley	AUS	1	1	0	2	2		0	6	24	-18

## Pool 7

Piste: Yellow Time: 13.02.2026

Referees: HERZHOFF Julius (NZL); WANG SHUNRAN (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	ZHANG XINRONG	CHN		V5	3	V5	V5	V5	0.8	23	19	+4
2	WANG Ziyu	CHN	4		V5	V4	3	4	0.4	20	22	-2
3	WEN CHENGCHENG	CHN	V5	4		3	2	4	0.2	18	22	-4
4	CHEUNG Tsz Yu Andrea	HKG	3	3	V4		V5	V5	0.6	20	19	+1
5	CHOI Chi Yuet	HKG	3	V5	V5	3		3	0.4	19	20	-1
6	SAMODELKINA Daria	KAZ	4	V5	V5	4	V5		0.6	23	21	+2

## Pool 8

Piste: Green Time: 13.02.2026

Referees: HO Peng I (MAC); CAO DANXUAN (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	ZHAO Yan	CHN		V5	V5	V5	1	4	0.6	20	20	0
2	KE ZIYUE	CHN	4		2	V5	V5	V5	0.6	21	14	+7
3	GAO XINYAN	CHN	4	V3		V5	2	V5	0.6	19	18	+1
4	HOMMA Mizuki	JPN	2	3	3		V5	V5	0.4	18	20	-2
5	TANG Sze Nga Nicole	HKG	V5	2	V5	4		V5	0.6	21	16	+5
6	LI Evian	AUS	V5	1	3	1	3		0.2	13	24	-11

## Pool 9

Piste: Red Time: 13.02.2026

Referees: JUNG Jin Man (KOR); XIN Xin (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	LIU Jingqi	CHN		4	V5	V5	3	2	0.4	19	20	-1
2	LIU Zixian	CHN	V5		3	V5	V5	V5	0.8	23	16	+7
3	WANG QIAN	CHN	4	V5		V5	V5	V5	0.8	24	19	+5
4	PAN Sara	AUS	1	2	3		3	V5	0.2	14	21	-7
5	DE CAPRIO Agnese	ITA	V5	3	4	V5		V5	0.6	22	18	+4
6	SUEN Hoi Ching Malva	HKG	V5	2	4	1	2		0.2	14	22	-8

## Pool 10

Piste: 5 Time: 13.02.2026

Referees: CHOW Hoi Yan (HKG); MA Quan (CHN)

#	Name	Nat	1	2	3	4	5	6	V/M	TS	TR	Ind
1	HU Mingze	CHN		V4	V5	V5	V5	V5	1	24	13	+11
2	QU Jialiang	CHN	3		2	V5	1	2	0.2	13	20	-7
3	LIU Jiatong	CHN	2	V3		3	2	V5	0.4	15	21	-6
4	FONG Sum Sophia	HKG	1	4	V5		3	4	0.2	17	23	-6
5	ALHATAMLEH Zain	JOR	4	V4	V5	V5		3	0.6	21	15	+6
6	REN Isabella	AUS	3	V5	4	V5	V4		0.6	21	19	+2